

Thực trạng nhận thức về kỹ năng hoạt động xã hội của sinh viên Trường Cao đẳng Bắc Kạn

Hà Thị Bích Ngọc*

*Trường Cao đẳng Bắc Kạn

Received: 6/5/2023; Accepted: 12/5/2023; Published: 15/5/2023

Abstract: The article mentions the reality of students' awareness of social activity skills, thereby proposing a number of some measures to contribute to improving the quality of student training at Bac Kan College.

Keywords: Current status of awareness, social skills, students, Bac Kan College

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại ngày nay, kỹ năng (KN) hoạt động xã hội (HĐXH) là một trong những thành phần không thể thiếu trong nhân cách của người lao động. Nó không chỉ là những KN về chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo của người lao động mà là những năng lực, KN hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn đảm bảo cho con người không chỉ hoạt động thành công trong một lĩnh vực mà còn giúp họ năng động, sáng tạo thích ứng với sự đa dạng của đời sống xã hội. Sinh viên (SV) trường Cao đẳng Bắc Kạn là lực lượng tri thức trẻ có KN nghề nghiệp, trong tương lai là đội ngũ vô cùng quan trọng góp phần phát triển xã hội. Để làm được điều đó nhà trường cần trang bị nhiều KN xã hội nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục, phát triển toàn diện nhân cách người học.

Tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng nhận thức về KN hoạt động xã hội của SV trường Cao đẳng Bắc Kạn là vấn đề thiết thực cho công tác đào tạo. Đánh giá thực trạng nhận thức của SV trường Cao đẳng Bắc Kạn về KN hoạt động xã hội chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng bảng hỏi đối với 100 SV, 20 cán bộ giáo viên trong nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

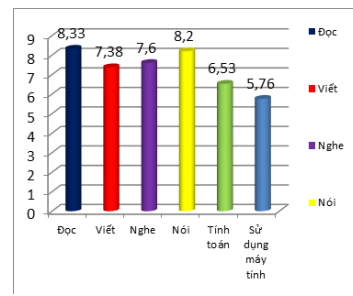
2.1. Thực trạng nhận thức của SV

2.1.1. Nhóm KN cơ bản

Chúng tôi đánh giá bằng cách đặt mức độ quan trọng của các KN trong nhóm từ 1 đến 5, 6 theo thứ tự quan niệm KN quan trọng nhất trong nhóm xếp thứ 1 và cứ như vậy giảm dần đến 5, 6. Sau đó chúng tôi xếp thứ bậc bằng cách tính điểm nếu xếp thứ quan trọng nhất sẽ được tính 10 điểm và cứ như vậy thấp dần cho tới quan điểm ít quan trọng nhất. Chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.1: SV đánh giá tầm quan trọng của các KN hoạt động xã hội trong nhóm KN cơ bản.

KN cơ bản	Điểm TB
Đọc	8.33
Viết	7.38
Nghe	7.60
Nói	8.20
Tính toán	6.53
Sử dụng máy tính	5.76



Sơ đồ 2.1: KN cơ bản

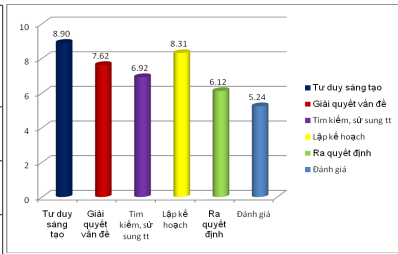
Bảng số liệu 2.1 cho thấy trong nhóm KN cơ bản, KN đọc được SV đánh giá quan trọng nhất với số điểm trung bình là 8.33đ; xếp thứ hai: KN năng nói (8.20đ); xếp thứ ba: KN nghe (7.60đ); xếp thứ tư: KN viết (7.38đ); xếp thứ năm: KN tính toán (6.53đ); xếp thứ sáu: KN sử dụng máy tính (5.76đ). Chúng tôi tìm hiểu nguyên nhân của sự đánh giá trên của SV và biết được KN đọc được đánh giá quan trọng nhất vì quá trình học tập trong nhà trường thì việc tiếp nhận tri thức không chỉ qua bài giảng của GV mà quan trọng hơn là những kiến thức có được từ việc đọc và nghiên tài liệu giáo trình, sách tham khảo. KN nói được xếp quan trọng thứ hai vì SV muốn được thể hiện mình, muốn được giao tiếp và thành thạo KN nói là cách nhanh nhất và hiệu quả. KN tính toán và sử dụng máy tính được SV xếp ở những bậc cuối cùng vì họ cho rằng trong cuộc sống không nhất thiết lúc nào cũng có thể “1+1=2” và do việc tiếp cận với công nghệ thông tin và vai trò của nó trong đời sống còn hạn chế.

2.1.2. Nhóm KN tư duy và giải quyết vấn đề

SV nhận thức được tầm quan trọng của nhóm KN này là cơ sở quan trọng trong quá trình giáo dục KN hoạt động xã hội. Kết quả thể hiện bảng 2.2

Bảng 2.2: SV đánh giá về tầm quan trọng của các KN hoạt động xã hội trong nhóm KN tư duy và giải quyết vấn đề.

KN tư duy và giải quyết vấn đề	Điểm TB
Tư duy sáng tạo	8.90
Giải quyết vấn đề	7.62
Tìm kiếm, sử dụng thông tin	6.92
Lập kế hoạch	8.31
Ra quyết định	6.12
Đánh giá	5.24



Sơ đồ 2.2: KN tư duy và giải quyết vấn đề

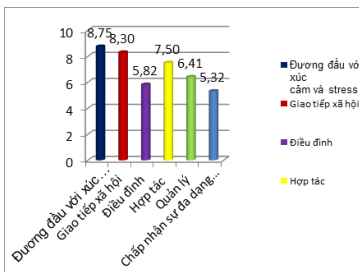
Kết quả khảo sát cho thấy KN tư duy sáng tạo được đánh giá quan trọng nhất (8.90đ); xếp thứ hai: KN lập kế hoạch (8.31đ); xếp thứ ba: KN giải quyết vấn đề (7.62đ); xếp thứ tư: KN tìm kiếm và sử dụng thông tin (6.92đ); xếp thứ năm: KN ra quyết định (6.12đ); KN đánh giá được xếp cuối (5.24đ). Như vậy, sự đánh giá của SV tương đối thống nhất về tầm quan trọng của các KN trong nhóm.

2.1.3. Nhóm KN tương tác

Để thu được kết quả nhóm kỹ năng này chúng tôi thiết kế bảng hỏi với những tình huống và kết quả thể hiện qua sơ đồ sau:

Bảng 2.3: SV đánh giá về tầm quan trọng của các KN hoạt động xã hội trong nhóm KN tương tác.

KN tương tác	Điểm TB
Đương đầu với xúc cảm và stress	8.75
Giao tiếp xã hội	8.30
Điều đình	5.82
Hợp tác	7.50
Quản lý	6.41
Chấp nhận sự đa dạng của cuộc sống	5.32



Sơ đồ 2.3: KN tương tác

Kết quả khảo sát cho thấy KN đương đầu với xúc cảm và stress được SV đánh giá là quan trọng nhất (8.75đ); xếp thứ hai là KN giao tiếp xã hội (8.30đ); xếp thứ ba là KN hợp tác với (7.50đ); xếp thứ tư: KN quản lý (6.41đ); tiếp theo đến KN điều đình (5.82đ); xếp cuối cùng là KN chấp nhận sự đa dạng của cuộc sống (5.32đ).

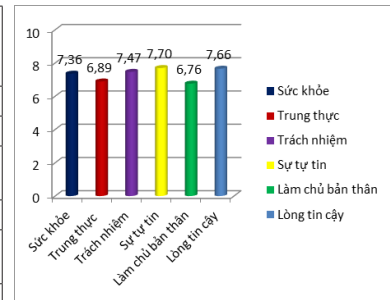
2.1.4. Nhóm KN thể hiện phẩm chất cá nhân

Chúng tôi xin ý kiến của khách thể khảo sát bằng phiếu hỏi, kết quả nhóm KN này được SV nhận thức cụ thể như sau:

Bảng 2.4: SV đánh giá về tầm quan trọng của các KN

hoạt động xã hội trong nhóm KN thể hiện phẩm chất cá nhân.

KN thể hiện phẩm chất cá nhân	Điểm TB
Sức khỏe	7.36
Trung thực	6.89
Trách nhiệm	7.47
Sự tự tin	7.70
Làm chủ bản thân	6.76
Lòng tin cậy	7.66



Sơ đồ 2.4: KN thể hiện phẩm chất cá nhân

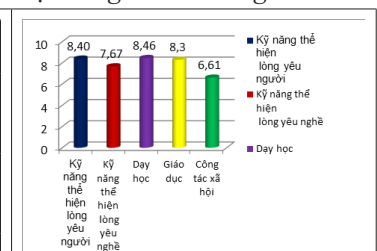
Bảng số liệu 2.4 cho chúng ta thấy KN thể hiện sự tự tin xếp thứ nhất (7.70 đ); KN thể hiện lòng tin cậy xếp thứ hai (7.66đ); KN thể hiện trách nhiệm xếp thứ ba (7.47đ); KN thể hiện sức khỏe xếp thứ tư (7.36 đ); KN thể hiện lòng trung thực xếp thứ năm (6.89 đ); KN làm chủ bản thân xếp thứ sáu (6.76đ). Căn cứ vào kết quả điều tra cho thấy SV đánh giá thứ bậc của các KN trong bảng đạt tỷ lệ thống nhất thấp. Đối với những SV năm thứ hai và năm thứ ba thường xếp thứ bậc cao cho các KN thể hiện sự tự tin (8.52đ), KN thể hiện sức khỏe (8.34đ), KN thể hiện lòng tin cậy (8.21đ) còn SV năm thứ nhất đánh giá cao các KN thể hiện tinh thần trách nhiệm (8.0 đ), sự trung thực (7.66đ)

2.1.5. Nhóm KN nghề

Nhóm KN nghề là nhóm KN quan trọng thể hiện trình độ nhận thức của mỗi SV chúng tôi thiết kế bảng hỏi kết quả SV nhận thức nhóm KN này thể hiện thông qua bảng 2.5:

Bảng 2.5: SV đánh giá về tầm quan trọng của các KN hoạt động xã hội trong nhóm KN nghề

KN nghề	Điểm TB
KN thể hiện lòng yêu người	8.40
KN thể hiện lòng yêu nghề	7.67
Dạy học	8.46
Giáo dục	8.30
Công tác xã hội	6.61



Sơ đồ 5: KN nghề

Kết quả KN dạy học được SV xếp thứ nhất (8.46 đ); KN thể hiện lòng yêu người xếp thứ hai (8.40 đ); KN giáo dục xếp thứ ba (8.30 đ); KN thể hiện lòng yêu nghề xếp thứ tư (97.67 đ); KN công tác xã hội xếp thứ năm (6.61đ)

Như vậy, những đánh giá của SV chủ yếu là cảm tính. Các bảng số liệu cho thấy đánh giá của SV về thứ tự tầm quan trọng của các KN hoạt động xã hội trong các nhóm tương đối thống nhất, sự chênh lệch giữa điểm trung bình của các KN không lớn (giữa bậc trên với bậc dưới không lớn hơn 1 điểm).

2.2. Thực trạng nhận thức SV về ý nghĩa của các KN hoạt động xã hội đối với các hoạt động của bản thân

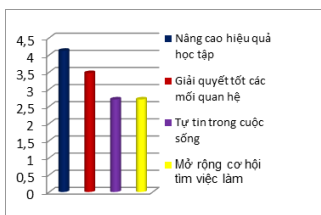
Chúng tôi tiến hành điều tra đánh giá của SV về ý nghĩa của các KN hoạt động xã hội đối với bản thân bằng câu hỏi: Xếp thứ tự tầm quan trọng các KN hoạt động xã hội theo thứ tự giảm dần về tầm quan trọng. Sau đó chúng tôi xử lý số liệu bằng cách cho điểm theo thang điểm 5, quan trọng nhất được 5 điểm và giảm dần đến quan trọng nhất bằng 1 điểm. Chúng tôi thu được kết quả thể hiện ở bảng 2.6

Bảng 2.6: SV đánh giá về ý nghĩa của các KN hoạt động xã hội đối với các hoạt động của bản thân

Các hoạt động	Mức độ (%)					Điểm TB
	1	2	3	4	5	
Nâng cao hiệu quả học tập	60.5	24	4.5	0	0	4.12
Giải quyết tốt các mối quan hệ	18	36.5	37.0	9	0	3.47
Tự tin trong cuộc sống	8.5	16.5	26.5	33.5	15.0	2.70
Mở rộng cơ hội tìm việc làm	13.5	32.5	26.0	3.5	34.5	2.70

Qua bảng số liệu chúng tôi thấy SV đánh giá ý nghĩa của KN hoạt động xã hội như sau:

- Nâng cao hiệu quả học tập : 4.12đ
- Giải quyết tốt các mối quan hệ: 3.47đ
- Tự tin trong cuộc sống: 2.70đ
- Mở rộng cơ hội tìm việc làm: 2.70đ



Sơ đồ 2.6.: SV đánh giá ý nghĩa của KN hoạt động xã hội đối với các hoạt động của bản thân.

Như vậy, SV đánh giá cao vai trò của KN hoạt động xã hội đối với việc học tập và giải quyết tốt các mối quan hệ trong cuộc sống. Đối với vấn đề tự tin trong cuộc sống và mở rộng cơ hội tìm việc làm có sự đánh giá ngang nhau về mức điểm trung bình nhưng khác nhau về số lượng và mức độ quan trọng.

Trong đó SV năm thứ ba đánh giá vai trò của KN hoạt động xã hội đối với việc tìm việc làm trong tương lai ở mức 1 và mức 2 đạt tỷ lệ cao (chiếm khoảng 89 % trong tổng số 13% của tỷ lệ đánh giá chung)

2.3. Thực trạng nhận thức của giảng viên

Chúng tôi tiến hành điều tra tìm hiểu quan niệm của giảng viên về KN hoạt động xã hội của GV và thu được kết quả như sau:

- Là khả năng thích ứng với cuộc sống và công việc. 15%

- Là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hằng ngày. 10%.

- Là những KN cần thiết cho cuộc sống an toàn và khoẻ mạnh. 15%.

- Là những KN vận động, tuyên truyền, tổ chức quần chúng tham gia giáo dục và tổ chức học sinh tham gia các hoạt động xã hội. 60%.

Như vậy, đa số giảng viên đều cho rằng KN hoạt động xã hội là KN vận động, tuyên truyền, tổ chức quần chúng tham gia giáo dục và tổ chức SV tham gia các hoạt động xã hội, là một bộ phận của của hệ thống KN nghề nghiệp của người GV. Theo chúng tôi nhận thức của các SV như vậy là chưa đủ. Hoạt động xã hội của GV không chỉ là vận động, tuyên truyền tổ chức quần chúng tham gia giáo dục và tổ chức SV tham gia hoạt động xã hội. Trong cuộc sống, GV còn tham nhiều hoạt động, nhiều mối quan hệ xã hội khác nhau và KN HỖXH chính là năng lực để thực hiện những hoạt động, những mối quan hệ đó.

3. Kết luận

Nhìn chung trong các nhóm KN hoạt động xã hội mà bài báo đề cập có thể thấy rằng SV trường Cao đẳng Bắc Kạn đánh giá cao ý nghĩa của các KN hoạt động xã hội này đối với sự phát triển của cá nhân, thấy được các KN HỖXH là năng lực giúp bản thân thực hiện có hiệu quả những mối quan hệ xã hội với tư cách là một chủ thể tích cực, năng động bằng các hoạt động có tính chất xây dựng và sáng tạo.

Kết quả nghiên cứu có thể xem là một bức tranh khái quát để nhìn nhận chung về thực trạng nhận thức các KN HỖXH của SV trường CĐ Bắc Kạn. Kết quả nghiên cứu này cũng đặt ra nhiệm vụ đối với nhà trường trong công tác tổ chức, phát triển các KN hoạt động xã hội cho SV một cách có hiệu quả. Điều này góp phần tạo một nền tảng vững chắc để SV có thể thực hiện hết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn như An,(1993), *Hệ thống kỹ năng giảng dạy trên lớp và quy trình rèn luyện kỹ năng đó cho SV Khoa Tâm lý - Giáo dục*, Luận án tiến sỹ Giáo dục học, đại học sư phạm Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc, *Xu thế phát triển giáo dục về việc phát triển toàn diện con người*.
3. Phạm Hồng Quang (2007), *Nghiên cứu khoa học giáo dục một số vấn đề lý luận và thực tiễn*.
4. Nguyễn Thị Tinh-Lê Hồng Sơn, *Thực trạng kỹ năng hoạt động xã hội của SV Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*, Tạp chí Giáo dục, tháng 2/2008.
5. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Trần Thị Lệ Thu (2017), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học sư phạm. Hà Nội